ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1020/QĐ- ĐHNL

Huế, ngày 02 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy, năm học 2026 - 2027 (đợt 1)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 1989/QĐ-ĐHH ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định 1277/QĐ-ĐHH ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Đại học Huế về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định 774/QĐ-ĐHNL ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

Căn cứ Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 02 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đại học, đại học thứ 2 và liên thông giữa trình độ cao đẳng với trình độ đại học hệ chính quy năm 2025;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo chính quy cho **93** (*chín ba*) sinh viên có tên theo danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ban ĐT&CTSV, ĐHH;
- Lưu: VT, P. ĐT&BĐCLGD, NTT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Lê Đình Phùng

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, NĂM HỌC 2026 - 2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNL ngày 02/ 11 / 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm)

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
	NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2022 - 2027								
1	22L3080117	Trần Đức	**Minh**	Nam	28-01-2004	Thành phố Huế	**3.94**	Xuất sắc	
	NGÀNH KHUYẾN NÔNG. KHÓA: 2022 - 2026								
1	22L3100011	Nguyễn Tất	**Thắng**	Nam	06-02-2004	Tỉnh Gia Lai	**2.50**	Khá	
	NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN. KHÓA: 2022 - 2026								
1	22L3180058	Trần Thị Thu	**Băng**	Nữ	23-09-2004	Thành phố Huế	**2.93**	Khá	
2	22L3180006	Lê Phú	**Cường**	Nam	28-02-2003	Thành phố Huế	**2.05**	Trung bình	
3	22L3180051	Lê Kim	**Tiến**	Nam	23-06-2004	Thành phố Huế	**2.54**	Khá	
4	22L3180056	Hà Hữu	**Tuệ**	Nam	29-08-2003	Thành phố Huế	**2.91**	Khá	
5	22L3180057	Phùng Thế Quốc	**Vương**	Nam	02-01-2000	Tỉnh Quảng Trị	**2.64**	Khá	
	NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN. KHÓA: 2022 - 2026								
1	22L4020012	Hồ Văn	**Phung**	Nam	08-02-2004	Tỉnh Quảng Trị	**2.64**	Khá	
2	22L4020015	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	Nữ	20-05-2004	Thành phố Huế	**2.50**	Khá	
	NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ. KHÓA: 2021 - 2026								
1	21L1020031	Võ Minh	**Hiển**	Nam	20-08-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.42**	Trung bình	
2	21L1020034	Võ Văn	**Nho**	Nam	11-08-2003	Thành phố Huế	**2.47**	Trung bình	
3	21L1020009	Phạm Viết	**Toàn**	Nam	14-07-2003	Thành phố Huế	**2.68**	Khá	
	NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM. KHÓA: 2021 - 2026								
1	21L1030016	Nguyễn Thị Thương	**Hoài**	Nữ	18-08-2003	Tỉnh Quảng Trị	**3.21**	Giỏi	
2	21L1030119	Mai Thị Diệu	**Hương**	Nữ	02-01-2003	Thành phố Huế	**2.97**	Khá	
3	21L1030149	Nguyễn Văn	**Tấn**	Nam	30-01-2003	Thành phố Huế	**3.07**	Khá	
4	21L1030057	Lê Thị Diễm	**Trinh**	Nữ	24-09-2003	Thành phố Huế	**2.89**	Khá	
5	21L1030059	Trần Ngọc	**Tuyền**	Nữ	02-06-2003	Thành phố Huế	**3.15**	Khá	
	NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2021 - 2026								
1	21L3060023	Nguyễn Văn	**Khải**	Nam	07-09-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.17**	Trung bình	
2	21L3060115	Nguyễn Văn	**Khánh**	Nam	18-08-2003	Thành phố Huế	**2.19**	Trung bình	
3	21L3060070	Nguyễn Hồng	**Phúc**	Nam	08-01-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.23**	Trung bình	
	NGÀNH THÚ Y. KHÓA: 2021 - 2026								
1	21L3070004	Mai Thị Minh	**Anh**	Nữ	04-12-2003	Thành phố Huế	**2.84**	Khá	
2	21L3070099	Nguyễn Tuấn	**Anh**	Nam	22-06-2003	Tỉnh Hà Tĩnh	**2.50**	Khá	
3	21L3070122	Lý Nam	**Khánh**	Nam	16-07-2003	Tỉnh Khánh Hòa	**2.44**	Trung bình	
4	21L3070066	Hoàng Văn	**Lộc**	Nam	09-12-2003	Tỉnh Nghệ An	**2.62**	Khá	
5	21L3070019	Đoàn Thị Khánh	**Ly**	Nữ	13-04-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.34**	Trung bình	
6	21L3070134	Nguyễn Thị Diệu	**Ly**	Nữ	25-09-2003	Thành phố Huế	**2.75**	Khá	
7	21L3070020	Nguyễn Đức	**Mạnh**	Nam	01-01-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.51**	Khá	
8	21L3070022	Nguyễn Thị Hương	**Mơ**	Nữ	03-07-2003	Tỉnh Nghệ An	**2.06**	Trung bình	
9	21L3070024	Lê Văn	**Năng**	Nam	15-01-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.61**	Khá	
10	21L3070144	Hồ Xuân	**Nghĩa**	Nam	06-07-2003	Thành phố Huế	**2.39**	Trung bình	
11	21L3070208	Nguyễn Hồ Ngọc	**Nhi**	Nữ	14-04-2003	Tỉnh Gia Lai	**2.59**	Khá	
12	21L3070031	Lê Thị Kiều	**Oanh**	Nữ	10-12-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.31**	Trung bình	
13	21L3070163	Đinh Văn	**Quên**	Nam	28-09-2002	Tỉnh Gia Lai	**2.59**	Khá	
14	21L3070041	Nguyễn Chí	**Quốc**	Nam	02-04-2002	Tỉnh Quảng Ngãi	**2.50**	Khá	
15	21L3070165	Ngô Cường	**Quốc**	Nam	15-07-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.02**	Trung bình	
16	21L3070083	Nguyễn Lê Anh	**Tài**	Nam	28-11-2003	Tỉnh Gia Lai	**2.30**	Trung bình	

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
17	21L3070045	Phạm Tấn	**Thái**	Nam	24-03-2003	Thành phố Đà Nẵng	**2.42**	Trung bình	
18	21L3070176	Ngô Đình	**Thành**	Nam	03-04-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.41**	Trung bình	
19	21L3070075	Đoàn Thị Diễm	**Trang**	Nữ	04-06-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.55**	Khá	
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2021 - 2026									
1	21L3080030	Hoàng Văn	**Khải**	Nam	22-09-2003	Thành phố Huế	**2.56**	Khá	
2	21L3080031	Đoàn Quốc	**Khải**	Nam	07-08-2003	Thành phố Huế	**2.57**	Khá	
3	21L3080041	Trần Hữu	**Long**	Nam	06-05-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.69**	Khá	
4	21L3080080	Hà Thúc	**Tài**	Nam	30-06-2003	Thành phố Huế	**2.75**	Khá	
5	21L3080093	Văn Đình	**Thi**	Nam	03-06-2003	Thành phố Huế	**2.96**	Khá	
NGÀNH KHUYẾN NÔNG. KHÓA: 2021 - 2025									
1	21L3100027	Võ Văn	**Lâm**	Nam	26-11-2003	Thành phố Huế	**2.77**	Khá	
NGÀNH QUẢN LÝ THỦY SẢN. KHÓA: 2021 - 2026									
1	21L3140047	Trần Viết Bảo	**An**	Nam	11-03-2003	Thành phố Huế	**2.27**	Trung bình	
2	21L3140025	Nguyễn Đình	**Thiện**	Nam	18-07-2000	Tỉnh Quảng Trị	**2.59**	Khá	
NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN. KHÓA: 2021 - 2025									
1	21L3180073	Nguyễn Huỳnh Nhật	**Đông**	Nam	10-12-2003	Thành phố Huế	**2.75**	Khá	
2	21L3180005	Nguyễn Thị Lệ	**Huyền**	Nữ	14-06-2003	Thành phố Huế	**2.80**	Khá	
3	21L3180039	Hoàng Phước Minh	**Quân**	Nam	27-04-2003	Thành phố Huế	**2.26**	Trung bình	
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. KHÓA: 2021 - 2026									
1	21L4010057	Lê Thành	**Chung**	Nam	15-06-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.36**	Trung bình	
2	21L4010081	Hà Xuân	**Định**	Nam	05-09-2003	Thành phố Huế	**2.60**	Khá	
3	21L4010086	Nguyễn Văn	**Dương**	Nam	12-05-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.69**	Khá	
4	21L4010027	Đặng Thị Thu	**Hương**	Nữ	01-12-2003	Tỉnh Gia Lai	**2.75**	Khá	
5	21L4010191	Nguyễn Khoa Nhật	**Phi**	Nam	18-01-2003	Thành phố Huế	**2.64**	Khá	
6	21L4010195	Hồ Ngọc	**Phong**	Nam	27-12-2002	Thành phố Huế	**2.54**	Khá	
7	21L4010046	Nguyễn Hải	**Quế**	Nam	08-11-2003	Thành phố Huế	**2.90**	Khá	
8	21L4010047	Nguyễn Hùng	**Quyết**	Nam	17-04-2003	Tỉnh Quảng Trị	**2.60**	Khá	
NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN. KHÓA: 2021 - 2025									
1	21L4020007	Lê Nguyễn Nam	**Cường**	Nam	18-11-2003	Thành phố Huế	**2.57**	Khá	
NGÀNH BẢO VỆ THỰC VẬT. KHÓA: 2020 - 2025									
1	20L3020005	Huỳnh Kim	**Phốt**	Nam	10-01-2002	Thành phố Đà Nẵng	**2.51**	Khá	
NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2020 - 2025									
1	20L3060152	Lê Thục	**Đan**	Nữ	11-04-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.48**	Trung bình	
2	20L3060009	Trần Đức	**Dũng**	Nam	11-09-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.43**	Trung bình	
3	20L3060149	Phan Khắc	**Duy**	Nam	07-03-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.32**	Trung bình	
4	20L3060012	Trần Xuân	**Gôn**	Nam	19-12-2001	Thành phố Huế	**2.19**	Trung bình	
5	20L3060165	Võ Đình	**Nhật**	Nam	27-04-2002	Tỉnh Nghệ An	**2.21**	Trung bình	
NGÀNH THÚ Y. KHÓA: 2020 - 2025									
1	20L3070100	Kiều Mạnh	**Châu**	Nam	02-10-2002	Tỉnh Đắk Lắk	**2.11**	Trung bình	
2	20L3070029	Nguyễn Trương Phúc	**Lộc**	Nam	28-12-2002	Tỉnh Gia Lai	**2.06**	Trung bình	
3	20L3070084	Phùng Thanh	**Nhân**	Nam	30-09-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.25**	Trung bình	
NGÀNH KHUYẾN NÔNG. KHÓA: 2020 - 2024									
1	20L3100027	Hồ Văn	**Diên**	Nam	04-03-2002	Tỉnh Quảng Trị	**2.96**	Khá	
NGÀNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO. KHÓA: 2020 - 2025									
1	20L4030040	Trần Thị Bảo	**Vi**	Nữ	25-06-2002	Thành phố Huế	**3.43**	Giỏi	
NGÀNH KỸ THUẬT - CƠ ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2019 - 2024									
1	19L1041051	Chế Quang Cao	**Nguyên**	Nam	13-09-2001	Thành phố Huế	**2.45**	Trung bình	
2	19L1041064	Hà Quốc	**Việt**	Nam	25-10-2001	Thành phố Huế	**2.08**	Trung bình	
NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG. KHÓA: 2019 - 2023									
1	19L3011047	Tôn Nữ Thị Thu	**Nhung**	Nữ	08-03-2001	Thành phố Huế	**3.41**	Khá	

Số TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TBC	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
NGÀNH CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH. KHÓA: 2019 - 2023									
1	19L3031032	Đặng Nhật	**Quyền**	Nam	02-02-2001	Tỉnh Gia Lai	**2.11**	Trung bình	
NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2019 - 2023									
1	19L3061002	Trần Hữu Trịnh	**Anh**	Nam	28-08-2001	Thành phố Huế	**2.25**	Trung bình	
NGÀNH THÚ Y. KHÓA: 2019 - 2024									
1	19L3071030	Phạm Thị	**Hải**	Nữ	01-05-2001	Tỉnh Hà Tĩnh	**3.05**	Khá	
2	19L3071036	Trương Hoàng	**Hậu**	Nam	24-05-2001	Tỉnh Đắk Lắk	**2.80**	Khá	
3	19L3071044	Hồ Văn	**Hoài**	Nam	16-10-2001	Thành phố Huế	**2.43**	Trung bình	
4	19L3071100	Lê Hoàng	**Phương**	Nam	12-10-2001	Thành phố Đà Nẵng	**2.37**	Trung bình	
5	19L3071132	Mai Trần Minh	**Thư**	Nữ	18-10-2001	Thành phố Đà Nẵng	**2.98**	Khá	
NGÀNH SINH HỌC ỨNG DỤNG. KHÓA: 2019 - 2023									
1	19L3201035	Hoàng Thị Như	**Thủy**	Nữ	25-01-2001	Thành phố Huế	**3.33**	Giỏi	
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI. KHÓA: 2019 - 2023									
1	19L4011006	Lương Ngọc	**Đức**	Nam	03-11-2001	Thành phố Huế	**2.17**	Trung bình	
2	19L4011292	Võ Thị Như	**Ý**	Nữ	31-10-2001	Thành phố Huế	**2.84**	Khá	
NGÀNH KỸ THUẬT - CƠ ĐIỆN TỬ. KHÓA: 2018 - 2023									
1	18L1041029	Nguyễn Đức Duy	**Hưng**	Nam	03-01-2000	Thành phố Huế	**2.38**	Trung bình	
NGÀNH LÂM HỌC. KHÓA: 2018 - 2022									
1	18L3051020	Đinh Văn	**Lý**	Nam	06-08-2000	Tỉnh Quảng Ngãi	**2.72**	Khá	
NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2018 - 2022									
1	18L3061118	Đỗ Ngọc	**Tiến**	Nam	05-01-2000	Thành phố Đà Nẵng	**2.51**	Khá	
NGÀNH THÚ Y. KHÓA: 2018 - 2023									
1	18L3071179	Nguyễn Văn	**Thành**	Nam	14-04-2000	Tỉnh Hà Tĩnh	**2.29**	Trung bình	
2	18L3071245	Thân Trọng Anh	**Vũ**	Nam	16-02-2000	Thành phố Huế	**2.58**	Khá	
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN. KHÓA: 2018 - 2022									
1	18L3081223	Trần Bình	**Tây**	Nam	18-09-2000	Thành phố Huế	**2.93**	Khá	
NGÀNH CHĂN NUÔI. KHÓA: 2017 - 2021									
1	17L3061202	Nguyễn Thị Phương	**Thùy**	Nữ	19-04-1999	Tỉnh Quảng Trị	**2.23**	Trung bình	
2	17L3061183	Nguyễn Thị Thu	**Vân**	Nữ	13-04-1999	Thành phố Huế	**2.47**	Trung bình	
NGÀNH THÚ Y. KHÓA: 2017 - 2022									
1	17L3071175	Rlan	**Linh**	Nam	07-03-1999	Tỉnh Gia Lai	**2.07**	Trung bình	
NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM. KHÓA: 2016 - 2021									
1	16L1031007	Trần Thị	**Ánh**	Nữ	12-10-1998	Thành phố Huế	**3.21**	Giỏi	

Tổng cộng danh sách này có 93 sinh viên được công nhận tốt nghiệp.

Trong đó:

Khóa tuyển sinh năm 2022	9 sv
Khóa tuyển sinh năm 2021	50 sv
Khóa tuyển sinh năm 2020	11 sv
Khóa tuyển sinh năm 2019	13 sv
Khóa tuyển sinh năm 2018	6 sv
Khóa tuyển sinh năm 2017	3 sv
Khóa tuyển sinh năm 2016	1 sv

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM
ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Đình Phùng